**MẪU TÍP ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT BÌNH GIANG  **TRƯỜNG TIỂU HỌC TRÁNG LIỆT**  **Điểm** | **BÀI KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II**  **MÔN TOÁN LỚP 3**  **NĂM HỌC 2017 - 2018**  Thời gian làm bài 40 phút không kể giao đề |

*Họ và tên học sinh: ………………………………*

*Lớp3…...*

|  |  |
| --- | --- |
| Họ và tên giáo viên coi  ..............................................................  .............................................................. | Họ và tên giáo viên chấm  ..............................................................  .............................................................. |

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT BÌNH GIANG  **TRƯỜNG TIỂU HỌC TRÁNG LIỆT** | **BIỂU ĐIỂM VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**  **BÀI KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II**  **MÔN TOÁN LỚP 3**  **NĂM HỌC 2017 - 2018** |

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT BÌNH GIANG  **TRƯỜNG TIỂU HỌC TRÁNG LIỆT**  **Điểm** | **BÀI KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II**  **MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 3**  **NĂM HỌC 2017 - 2018**  Thời gian làm bài 55 phút không kể giao đề |

*Họ và tên học sinh: ………………………………*

*Lớp:………………………….*

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT BÌNH GIANG  **TRƯỜNG TIỂU HỌC TRÁNG LIỆT** | **BIỂU ĐIỂM VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**  **BÀI KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II**  **MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 3**  **NĂM HỌC 2017 - 2018** |

1. **Biểu điểm các nội dung đề kiểm tra**

Toán: 7 điểm tự luận, 3 điểm trắc nghiệm

Tiếng Việt:

\* Lớp 1: Đọc 10 điểm ( đọc thành tiếng 7 điểm, đọc hiểu 3 điểm )

Viết: 10 điểm ( Chính tả 7 điểm; hiểu 3 điểm)

Thời gian: Đọc hiểu: 30’; Viết 35’, đọc thành tiếng: 1,5’

\* Lớp 2;3: Đọc 10 điểm ( đọc thành tiếng 4 điểm, đọc hiểu 6 điểm )

Viết: 10 điểm ( Chính tả 4 điểm; TLV: 6 điểm)

Thời gian: Đọc hiểu: 30’; Viết chính tả 15’; TLV 35’; đọc thành tiếng: 1’

\* Lớp 4;5: Đọc 10 điểm ( đọc thành tiếng 3 điểm, đọc hiểu 7 điểm )

Viết: 10 điểm ( Chính tả 2 điểm; TLV: 8 điểm)

Thời gian: Đọc hiểu: 30’; Viết chính tả 15’; TLV 35’; đọc thành tiếng: 1’

Đề ra theo trình tự

Chính tả đến Tập làm văn

Đọc hiểu đến đọc thành tiếng

1. **Các bước ra đề kiểm tra**

Đề kiểm tra định kì phù hợp chuẩn kiến thức kĩ năng và định hướng phát triển năng lực gồm các câu hỏi, bài tập được thiết kế theo các mức:

- Mức 1: nhận biết, nhắc lại được kiến thức, kĩ năng đã học;

- Mức 2: hiểu kiến thức, kĩ năng đã học, trình bày, giải thích được kiến thức theo cách hiểu của cá nhân;

- Mức 3: biết vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết những vấn đề quen thuộc, tương tự trong học tập, cuộc sống;

- Mức 4: vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề mới hoặc đưa ra những phản hồi hợp lí trong học tập, cuộc sống một cách linh hoạt.

Phạm vi kiến thức: Hết tuần 35

Các bước cơ bản thiết kếma trận đề kiểm tra❖ Bước 1: Liệt kê các nội dung/ chủ đề/ mạch kiến thức và kĩ năng cần kiểm tra;  
❖ Bước 2: Viết các chuẩn cần đánh giá đối với mỗi mức độ nhận thức;  
❖ Bước 3: Xác định tỉ lệ %, số điểm, số câu cho mỗi nội dung, chủ đề, mạch kiến thức tương ứng với tỉ lệ %;  
❖ Bước 4: Tính tổng số điểm và tổng số câu hỏi cho mỗi cột và kiểm tra tỉ lệ % tổng số điểm phân phối cho mỗi cột;  
❖ Bước 5: Rà soát lại ma trận và chỉnh sửa nếu thấy cần thiết.

Thực hiện ra đề theo ma trận

Môn toán: Trắc nghiệm 3 điểm Tự luận: 7 điểm

II.Hướng dẫn chung  
- Kiểm tra định kì môn Tiếng Việt được tiến hành với 2 bài kiểm tra:  
Đọc, Viết, bao gồm :  
+ Bài kiểm tra đọc (10 điểm).  
+ Bài kiểm tra viết (10 điểm).  
*(ở mỗi lớp, sẽ có hướng dẫn riêng)*Điểm kiểm tra định kì môn Tiếng Việt (điểm chung) là trung bình  
cộng điểm của 2 bài kiểm tra Đọc, Viết quy về thành điểm 10 (chia số  
điểm thực tế cho 2) và được làm tròn 0,5 thành 1. Ví dụ: điểm thực tế của  
2 bài kiểm tra Đọc, Viết là 19, quy về thang điểm 10 là 9,5 (làm tròn số  
thành 10).

**3. Hướng dẫn ra đề kiểm tra**LỚP 1 - HƯỚNG DẪN KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II  
I. Bài kiểm tra đọc (10 điểm)  
1. Kiểm tra đọc thành tiếng kết hợp kiểm tra nghe, nói (kiểmtra từng cá nhân) :7 điểm  
*\* Mục tiêu:* nhằm kiểm tra kĩ năng đọc thành tiếng kết hợp kiểm tra kĩ năng nghe hiểu, nói thành câu theo chủ đề (học sinh trả lời 1 câu hỏi về nội dung đoạn, bài đọc hoặc trả lời câu hỏi về bản thân, người thân)  
*\* Nội dung kiểm tra:*+ HS đọc một đoạn văn không có trong sách giáo khoa (do GV lựa chọn và chuẩn bị trước, ghi rõ tên bài, đoạn đọc và số trang vào phiếu cho từng học sinh bốc thăm rồi đọc thành tiếng)  
+ HS trả lời 1 câu hỏi về nội dung đoạn/bài đọc do giáo viên nêu ra.  
*\* Thời gian kiểm tra:* GV kết hợp kiểm tra đọc thành tiếng đối với từng HS qua các tiết Ôn tập ở cuối học kì .  
*\* Cách đánh giá, cho điểm :*- Đọc to, rõ ràng : 1 điểm nếu đọc to đủ nghe, rõ từng tiếng; 0 điểm nếu đọc chưa to và chưa rõ  
- Đọc đúng : 2 điểm chỉ có 0-2 lỗi ; 1 điểm nếu có 3-4 lỗi; 0 điểm nếu có hơn 4 lỗi  
- Tốc độ đảm bảo 40-50 tiếng /phút : 2 điểm nếu đạt tốc độ này, 1 điểm nếu tốc độ khoảng 30 tiếng / phút ; 0 điểm nếu tốc độ dưới 50 tiếng / phút ;  
- Ngắt nghỉ đúng ở dấu câu : 1 điểmnếu có 0-2 lỗi ; 0 điểm nếu có hơn 2 lỗi  
- Nghe hiểu câu hỏi: 0,5 điểm thể hiện hiểu câu hỏi và trả lời đúng trọng tâm câu hỏi (Hỏi về người thì trả lời về người, hỏi về hoạt động thì trả lời hoạt động …); 0 điểm nếu chưa hiểu câu hỏi, thể hiện trả lời không đúng trọng tâm câu hỏi  
- Nói thành câu câu trả lời :0,5 điểm khi trả lời câu hỏi thành câu; 0 điểm khi câu trả lời không thành câu và gây khó hiểu  
2. Kiểm tra đọc hiểu (bài kiểm tra viết cho tất cả học sinh): 3 điểm  
*\* Mục tiêu :*nhằm kiểm tra kĩ năng đọc hiểu của học sinh theo chuẩn của Bộ GD và ĐT quy định.  
*\* Nội dung kiểm tra:*  
- Đọc một đoạn/bài có độ dài khoảng 80- 100 chữ  
+ Xác định được thông tin/chi tiết trong bài  
+ Hiểu nghĩa từ ngữ, chi tiết trong bài đọc  
+ Liên hệ đơn giản chi tiết trong bài với bản thân hoặc với thực tế cuộc sống  
*\* Cách đánh giá, cho điểm:*- Điểm tối đa cho mỗi câu trắc nghiệm lựa chọn câu trả lời đúng, điền ngắn, điền, nối cặp đôi : 0,5 điểm.  
- Điểm tối đa cho mỗi câu trả lời câu hỏi mở (chủ yếu là câu hỏi ở mức 3): 1 điểm.  
*\* Thời gian làm bài kiểm tra :* khoảng 35 – 40 phút  
3. Ma trận nội dung kiểm tra phần đọc hiểu (phần kiểm tra kiến thức đưa vào bài kiểm tra viết vì KT ở lớp 1 chỉ gồm: quy tắc chinh tả quốc ngữ, vốn từ, dấu câu)  
*\* Phân bố nội dung kiểm tra ở từng mức:* Mức 1: khoảng 40%;  
Mức 2: khoảng 40%; Mức 3: khoảng 20%; Mức 4: 0%  
HƯỚNG DẪN KIỂM TRA LỚP 2 VÀ LỚP 3  
I. Bài kiểm tra đọc (10 điểm)  
1. Kiểm tra đọc thành tiếng kết hợp kiểm tra nghe nói (kiểm  
tra từng cá nhân) : 4 điểm  
*\* Nội dung kiểm tra :*+ HS đọc một đoạn văn trong các bài tập đọc đã học ở SGK Tiếng Việt lớp 2, 3hoặc một đoạn văn không có trong sách giáo khoa (do GV lựa chọn và chuẩn bị trước, ghi rõ tên bài, đoạn đọc và số trang vào phiếu cho từng học sinh bốc thăm rồi đọc thành tiếng)  
+ HS trả lời 1 câu hỏi về nội dung đoạn đọc do giáo viên nêu ra.  
*\* Cách đánh giá, cho điểm :*- Đọc vừa đủ nghe, rõ ràng; tốc độ đọc đạt yêu cầu : 1 điểm  
- Đọcđúng tiếng, từ (không đọc sai quá 5 tiếng) : 1 điểm  
- Ngắt nghỉ hơi đúng ở các dấu câu, các cụm từ rõ nghĩa : 1 điểm  
- Trả lời đúng câu hỏi về nội dung đoạn đọc : 1 điểm  
2.Kiểm tra đọc hiểu, kết hợp kiểm tra kiến thức tiếng Việt (bài kiểm tra viết cho tất cả học sinh): 6 điểm  
*\* Mục tiêu :* nhằm kiểm tra kĩ năng đọc hiểu; kiến thức, kĩ năng về từ và câu của học sinh.  
*\* Phân bố điểm cho các nội dung khảo sát :* có thể phân bố điểm như sau:  
- Đọc hiểu văn bản : 4/6 điểm  
- Kiến thức, kĩ năng tiếng Việt : 2/6 điểm . Điểm tối đa cho mỗi câu trắc nghiệm (lựa chọn, trả lời ngắn, điền, nối…): 0,5 điểm.  
Điểm tối đa cho mỗi câu trả lời câu hỏi mở (chủ yếu là câu hỏi ở mức 3 và mức 4) : 1 điểm. (Nêu rõ đáp án chấm điểm : 0 – 0,5 - 1)  
*\* Phân bố nội dung kiểm tra ở từng mức :*tùy theo từng trường có thể đưa ra tỉ lệ ở các mức khác nhau phù hợp với yêu cầu đánh giá của từng địa phương, chẳng hạn: Mức 1: khoảng 20%; Mức 2: khoảng 30%; Mức 3: khoảng 30%; Mức 4: khoảng 20%.  
*\* Thời gian làm bài kiểm tra :*khoảng 35 – 40 phút  
HƯỚNG DẪN KIỂM TRA LỚP 4 VÀ LỚP 5  
I. Bài kiểm tra đọc (10 điểm)  
1. Kiểm tra đọc thành tiếng kết hợp kiểm tra nghe nói (kiểm tra từng cá nhân) : 3 điểm  
*\* Nội dung kiểm tra :*+ HS đọc một đoạn văn trong các bài tập đọc đã học ở SGK Tiếng Việt lớp 4, 5 hoặc một đoạn văn không có trong sách giáo khoa (do GV lựa chọn và chuẩn bị trước, ghi rõ tên bài, đoạn đọc và số trang vào phiếu cho từng học sinh bốc thăm rồi đọc thành tiếng)  
+ HS trả lời 1 câu hỏi về nội dung đoạn đọc do giáo viên nêu ra.  
*\* Thời gian kiểm tra :* GV kết hợp kiểm tra đọc thành tiếng đối với từng HS qua các tiết Ôn tập ở giữa học kì và cuối học kì.  
*\* Cách đánh giá, cho điểm :*- Đọc vừa đủ nghe, rõ ràng; tốc độ đọc đạt yêu cầu, giọng đọc có biểu cảm : 1 điểm  
- Ngắt nghỉ hơi đúng ở các dấu câu, các cụm từ rõ nghĩa; đọc đúng tiếng, từ (không đọc sai quá 5 tiếng) : 1 điểm  
- Trả lời đúng câu hỏi về nội dung đoạn đọc : 1 điểm  
2. Kiểm tra đọc hiểu, kết hợp kiểm tra từ và câu (bài kiểm tra viết cho tất cả học sinh): 7 điểm  
*\* Phân bố điểm cho các nội dung khảo sát :* có thể phân bố điểm  
như sau:  
- Đọc hiểu văn bản : 4/7 điểm  
- Kiến thức tiếng Việt : 3/7 điểm. Điểm tối đa cho mỗi câu trắc nghiệm (lựa chọn, trả lời ngắn, điền, nối…): 0,5 điểm.  
Điểm tối đa cho mỗi câu trả lời câu hỏi mở (chủ yếu là câu hỏi ở mức 3và mức 4), loại câu hỏi Đúng – Sai phức hợp : 1 điểm. (Nêu rõ đáp án chấm điểm : 0 – 0,5 - 1)  
*\* Thời gian làm bài kiểm tra :*khoảng 35 – 40 phút